TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập- Tự do – H2 phúc

Bản án số: 37/2019/DS-PT
Ngày: 26-9-2019

" V/v:Tranh chấp về thừa kế tài sản theo pháp luật".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Văn Thắng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hương Giang và ông Bùi Đức Thanh

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2019/TLPT-DS ngày 02/8/2019, về việc: " Tranh chấp về thừa kế tài sản theo pháp luật ". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị H, sinh năm 1959; Địa chỉ: Phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn:

1. Ông Hà Văn D, sinh năm 1955; Địa chỉ: Tổ 4c, khu 7A, phường H, thành phố H, Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Hà Văn S, sinh năm 1978; Địa chỉ: Phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Hà Thị Ph, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ 1, khu 1, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

Bà Hà Thị Ng, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 11, khu 3, phường Q, thành phố U tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

Bà Hà Thị H1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắc Lắc; Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị vắng mặt).

Bà Hà Thị H2, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 5, khu 3, phường Tr, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt tại phiên tòa.

Bà Triệu Thị Th (là vợ của ông Hà Văn S), trú tại: Phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

Anh Vũ Văn Nh, sinh năm 1986; Địa chỉ: Xóm C, xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hà Thị H: Bà Hoàng Thị L và bà Mai Thị L1 – Luật sư Công ty TNHH MTV T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

Kháng cáo: Bị đơn ông Hà Văn D và ông Hà Văn S.

Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Hà Thị H trình bày: Bố, mẹ đẻ của bà là cụ Hà Văn N và cụ Vũ Thị Ng sinh được 07 người con gồm: Hà Văn D, Hà Thị Ph, Hà Thị Ng, Hà Thị H, Hà Thị H1, Hà Thị H2 và Hà Văn S.

Ngày 23/11/2007, cụ Vũ Thị Ng chết có để lại di chúc chung với cụ Hà Văn N lập ngày 13/10/2007, với nội dung: Ông Hà Văn N, bà Vũ Thị Ng có 281m^2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AC 811675 do UBND huyện Y cấp ngày 21/11/2005 tại xóm C, xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Nay giao lại cho toàn bộ các con để làm nơi thờ cúng tổ tiên, không được bán. Trường hợp một trong bảy người con không có đất ở thì được quyền ở trên diện tích đất này, GCNQSDĐ được giao cho con út là Hà Văn S quản lý.

Đến năm 2014, cụ Hà Văn N chết có để lại di chúc ngày 27/11/2013 với nội dung: Quyền sử dụng 281m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà gỗ ba gian (có diện tích khoảng 50m^2) và một ngôi nhà cấp bốn (diện tích khoảng 30m^2) tại xóm C, xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo GCNQSDĐ số AC 811675do UBND thị xã Q cấp ngày 21/11/2005 được chia cho ông Hà Văn D và ông Hà Văn S. Theo đó ông Hà Văn D được quyền sử dụng phần đất bên trong là 161m^2, ông Hà Văn S được quyền sử dụng phần đất ngoài bên đường là 120m^2 của 281m^2 đất nêu trên.

Do hai bản di chúc trên không có chứng thực, không có người làm chứng nên bà H đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế cho các anh chị em theo quy định của pháp luật.

Bà Hà Thị H2 đã có văn bản tự nguyện từ chối toàn bộ di sản thừa kế do bố mẹ

để lại. Nên bà Hà Thị H đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế thành 6 phần bằng nhau cho các anh chị em gồm: Hà Văn D, Hà Thị Ph, Hà Thị Ng, Hà Thị H, Hà Thị H1 và Hà Văn S.

Ngoài ra, cụ Hà Văn N cụ Vũ Thị Ng để lại 1.004m^2 đất nông nghiệp tại xóm C, xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh không có di chúc. Cuối năm 2017, Nhà nước thu hồi 536m^2 đất nông nghiệp và bồi thường 109.300.000đ (Một trăm linh chín triệu, ba trăm nghìn đồng). Hiện nay diện tích đất nông nghiệp còn lại là 468m^2 và số tiền 109.300.000 đồng do ông D và ông S quản lý.

Tại đơn đề nghị của bà Hà Thị H, Hà Thị Ph, Hà Thị Ng có quan điểm chỉ đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là Quyền sử dụng 281m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà gỗ ba gian (có diện tích khoảng 50m^2) và một ngôi nhà cấp bốn (diện tích khoảng 30m^2) tại xóm C, xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo GCNQSDĐ số AC 811675 do UBND huyện Y cấp ngày 21/11/2005. Đối với tài sản là diện tích đất nông nghiệp còn lại là 468m^2 và số tiền bồi thường 109.300.000 đồng không đề nghị Tòa án chia.

* Bị đơn ông Hà Văn D trình bày: Bố mẹ đẻ ông là cụ Hà Văn N và cụ Vũ Thị Ng sinh được 07 người con gồm: Hà Văn D, Hà Thị Ph, Hà Thị Ng, Hà Thị H, Hà Thị H1, Hà Thị H2 và Hà Văn S. Khi bố mẹ ông chết có để lại 02 ngôi nhà gồm 01 ngôi nhà gỗ ba gian (có diện tích khoảng 50m^2) và một ngôi nhà cấp bốn (Diện tích khoảng 30m^2) trên diện tích đất 281m^2 đã được UBND thị xã Q cấp GCNQSDĐ số AC 811675 ngày 21/11/2005 mang tên hộ ông Hà Văn N tại xóm C, xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/10/2018 ông Hà Văn D trình bày: Bố ông đã di chúc cho ông được quyền sử dụng phần đất bên trong là 161m2, ông Hà Văn S được quyền sử dụng phần đất ngoài bên đường là 120m^2, di sản thừa kế đã được bố ông chia cho ông và em trai ông là Hà Văn S nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H về yêu cầu chia tài sản thừa kế do bố mẹ để lại.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2019 quan điểm của ông Hà Văn D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Hà Thị H với lý do theo bản di chúc ông Hà Văn N, bà Vũ Thị Ng lập ngày 13/10/2007 diện tích 281m^2 đất và tài sản trên đất bố mẹ ông đã giao lại cho 07 người con trông nom, thờ cúng, không được bán, không chia. Do đó, bà H không có quyền yêu cầu chia di sản thừa kế do bố mẹ để lại.

Ngoài ra, ông D cho rằng trên diện tích đất có các tài sản sau: 01 ngôi nhà gỗ ba gian diện tích khoảng 50m^2; 01 ngôi nhà cấp 4 được xây năm 2017; các công trình phụ; nhà tắm; nhà bếp; nhà vệ sinh, tường rào, cổng, sân, cây cối trên đất. Ông là người đã trực tiếp đóng góp công sức cụ thể là đã sửa lại một gian nhà thờ cúng vào năm 2017 mất khoảng 11.000.000 đồng; nâng sân, làm tường rào, làm cổng, sửa ngôi nhà cấp 4 ông là người trực tiếp bỏ tiền ra xây dựng năm 2017 hết khoảng hơn 80.000.000 đồng. Hiện nay đang cho anh Vũ Văn Nh thuê và ông là nhận tiền cho

thuê từ anh Vũ Văn Nh.

Quan điểm của ông không đồng ý chia đất do bố mẹ ông để lại nhưng nếu trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H, chia thửa đất thì ông yêu cầu phía nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nếu được chia phần diện tích đất có tài sản của ông tôn tạo thì phải thanh toán lại cho ông số tiền mà ông đã bỏ ra để tôn tạo tài sản trên đất theo Biên bản định giá ngày 06/11/2018 cụ thể: Ông đã bỏ ra xây ngôi nhà cấp 4 trị giá 73.161.854 đồng; ông đã trồng 03 cây Cau trị giá 390.000 đồng; 01 cây Na trị giá 450.000 đồng; 01 cây Bòng trị giá 500.000 đồng; 01 cây Xoài giá 250.000 đồng; 01 cây Đu đủ trị giá 80.000 đồng. Ngoài ra đối với số tiền 11.000.000 đồng ông bỏ ra để sửa chữa ngôi nhà ba gian để làm nơi thờ cúng tổ tiên và bỏ tiền ra để nâng sân, làm tường rào và làm cổng nhưng ông không yêu cầu các đồng thừa kế khác phải thanh toán số tiền này.

Bị đơn ông Hà Văn S có quan điểm đồng ý với toàn bộ quan điểm trình bày của ông Hà Văn D: Ông cho rằng ông Hà Văn N và bà Vũ Thị Ng sinh được 7 người con như ông D đã trình bày. Trước khi chết ông Hà Văn N và bà Vũ Thị Ng có để lại di chúc ngày 13/10/2007 trong đó có nội dung giao lại toàn bộ diện tích 281m^2 đất tại xóm C, xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh cho 7 anh em để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Bản di chúc đó có chữ ký của năm chị em gái, nay chị Hà Thị H yêu cầu đòi chia đất là trái với tâm nguyện của bố mẹ nên ông không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị Th là vợ của ông Hà Văn S cũng có cùng quan điểm với ông Hà Văn S là không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của bà Hà Thị H.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Ph, Hà Thị Ng, Hà Thị H1 đều có quan điểm đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại thành 06 phần bằng nhau cho các anh chị em gồm Hà Văn D, Hà Thị Ph, Hà Thị Ng, Hà Thị H, Hà Thị H1 và Hà Văn S.

Tại biên bản làm việc ngày 23/11/2018 bà Hà Thị H, Hà Thị Ph, Hà Thị Ng có quan điểm đề nghị Tòa án chia thửa đất số 83 tờ bản đồ số P11 diện tích theo GCNQSDĐ là 281m^2 thành hai phần trong đó một phần giao cho bà Hà Thị H, Hà Thị Ng, Hà Thị Ph, Hà Thị H1 trực tiếp quản lý (Phần diện tích đất có ngôi nhà cấp 4 đang cho anh Vũ Văn Nh thuê); một phần giao cho ông Hà Văn D trực tiếp quản lý (Phần diện tích đất có ngôi nhà cấp 4 ba gian, hai trái được xây năm 1970). Các bên có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch tương ứng với phần tài sản được nhận. Ông Hà Văn S sẽ được nhận một phần giá trị tài sản thừa kế bằng tiền.

Tại đơn đề nghị bà Hà Thị Ph, Hà Thị Ng có quan điểm giống bà Hà Thị H về việc chỉ đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là Quyền sử dụng 281m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà gỗ ba gian (có diện tích khoảng 50m^2) và một ngôi nhà cấp bốn (diện tích khoảng 30m^2) tại xóm C, xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo GCNQSDĐ số AC 811675 do UBND thị xã Quảng Yên cấp ngày 26/11/2007. Đối

với tài sản là diện tích đất nông nghiệp còn lại là 468m^2 và số tiền bồi thường 109.300.000 đồng không đề nghị Tòa án chia. Đối với số tiền ông Hà Văn D cho anh Vũ Văn Nh thuê căn nhà cấp bốn diện tích khoảng 30m^2 để bán thuốc từ thời điểm tháng 10/2016 đến nay mỗi tháng là 1.500.000 đồng không đề nghị ông Hà Văn D phải thanh toán lại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn Nh có quan điểm trình bày: Anh là người thuê căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 30m^2 trên diện tích đất 281m^2 theo GCNQSDĐ số AC 811675 do UBND thị xã Q cấp ngày 21/11/2005 của ông Hà Văn D. Anh bắt đầu thuê nhà từ tháng 10/2016 đến 30/9/2017 thì chấm dứt hợp đồng sau đó anh lại tiếp tục thuê từ tháng 10/2017 đến tháng 10/2022 thì hết hạn hợp đồng. Anh thuê nhà với mục đích để bán thuốc với giá thuê là 1.500.000đồng/tháng. Quan điểm của anh là hiện nay giữa bà Hà Thị H và ông Hà Văn D, Hà Văn S đang xảy ra tranh chấp thừa kế, nếu các bên giải quyết ổn thỏa thì anh sẽ tiếp tục thuê, nếu các bên không giải quyết được mà tiếp tục để tranh chấp kéo dài ảnh hưởng đến việc kinh doanh thì anh sẽ chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 06/11/2018 và theo bản đồ địa chính năm 1996 thì diện tích quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ là 281m^2 thuộc thửa 83, tờ bản đồ số P11, diện tích hiện nay là 307,4m^2 thuộc thửa mới 490, tờ bản đồ mới 17, địa chỉ tại thôn C, xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh có giá trị là 423.202.800 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 502.471.609 đồng. Tài sản trên đất có giá trị là 79.268.809đồng trong đó gồm: 01 ngôi nhà cấp bốn diện tích 31,39m^2 trị giá 73.161.864 đồng; 03 cây cau trị giá 390.000 đồng; 01 cây na trị giá 450.000 đồng; 01 cây bòng trị giá 500.000 đồng; 01 cây xoài giá 250.000 đồng; 01 cây đu đủ trị giá 80.000 đồng; tường rào bao quanh trị giá 4.436.945 đồng. Riêng đối với tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 (ba gian, hai trái) diện tích 49,98m^2, 01 ngôi nhà bếp, 01 bể nước; 01 nhà vệ sinh đều đã hết khấu hao.

Tại Biên bản xác minh ngày 06/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã Q thể hiện: Nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình ông Hà Văn N và bà Vũ Thị Ng sử dụng ổn định. Năm 2005 đất được UBND huyện Y (nay là UBND thị xã Q) cấp GCNQSDĐ số AC 811657 ngày 21/11/2005 mang tên hộ ông Hà Văn N, bà Vũ Thị Ng. Đối với diện tích tăng thêm 26,4m^2 giữa thửa đất số 83, tờ bản đồ số P11 nay là thửa đất số 490 tờ bản đồ số 17 theo GCNQSDĐ số AC 811657 ngày 21/11/2005, diện tích 281m^2 và Biên bản thẩm định ngày 06/11/2018 là 307,4m^2. Việc tăng thêm diện tích là sai số trong đo đạc, diện tích đất tăng thêm không nằm trong quy hoạch và không có tranh chấp.

Tại Biên bản xác minh ngày 06/11/2018 tại Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên thể hiện: Căn cứ hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của ông Hà Văn N, vợ là Vũ Thị Ng tờ bản đồ P11, thửa đất số 83 diện tích 281m^2 ngày 25/7/2005 được xác nhận của UBND xã C là đất ở ổn định từ năm 1960, không có tranh chấp, thế chấp, phù hợp với quy hoạch, đề nghị UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ cho hộ ông (Bà) Hà Văn N và Vũ

Thị Ng. Ngày 21/11/2005 UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ số H35388 cho hộ ông (bà) Hà Văn N, Vũ Thị Ng. Việc ghi hộ ông (bà) Hà Văn N và Vũ Thị Ng được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 24/2004/QĐ – BTNMT ngày 01/11/2004 ban hành quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Thông tư số 01/2005/TT – BTNMT ngày 13/4/2005 hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định số 181/2004/NĐ – CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai. Thửa đất số 83 tờ bản đồ số P11 địa chỉ tại xóm C, xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh thuộc quyền của ông Hà Văn N và bà Vũ Thị Ng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Ph, Hà Thị Ng, Hà Thị H, Hà Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà Hà Thị H xác nhận: Di sản thừa kế của cụ Hà Văn N và cụ Vũ Thị Ng để lại gồm: Một ngôi nhà gỗ ba gian, hai trái khoảng 50 m^2 trên diện tích đất 281 m^2 tại xóm C, xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy CNQSD Đsố AC 811675 do UBND huyện Y cấp ngày 21/11/2005. Đối với ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 30 m^2 là do ông Hà Văn D xây dựng sửa chữa năm 2017. Đây không phải là di sản thừa kế của ông N, bà Ng nên bà Hà Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Các bị đơn ông Hà Văn D, Hà Văn S vắng mặt có quan điểm không đồng ý yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Hà Thị H

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hà Thị H, bà Hoàng Thị L và Mai Thị L1 trình bày: cụ Hà Văn N và cụ Vũ Thị Ng chết có để lại di chúc nhưng các bản di chúc đều vô hiệu. Bản di chúc đầu tiên ngày 13/10/2007 là di chúc chung của vợ chồng, bản di chúc này vô hiệu do các con của người để lại di chúc ký vào. Ngày 27/11/2013 cụ Hà Văn N lập di chúc khác nhưng bản di chúc này cũng vô hiệu do di chúc định đoạt toàn bộ tài sản của cả hai vợ chồng để lại cho ông Hà Văn D và Hà Văn S. Ngoài ra các bản di chúc này đều không được công công chứng, chứng thực không đảm bảo được tính xác thực của di chúc. Đối với nguồn gốc đất: Mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi hộ gia đình nhưng căn cứ vào đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ghi rõ người sử dụng đất là cụ Hà Văn N và cụ Vũ Thị Ng. Nguồn gốc diện tích đất được cấp đã được xác nhận là có trước năm 1960, tại thời điểm đó các con của ông N và bà Ng đều còn nhỏ nên không phải là người tạo lập nên đất và tài sản trên đất tại thời điểm đó. Do vậy, di sản thừa kế là tài sản của cụ N, cụ Ng (Trừ đi phần tài sản do ông D trực tiếp bỏ tiền ra tôn tạo). Đối với diện tích đất tăng thêm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đề nghị xem xét chia theo quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án chia toàn bộ diện tích đất cùng các tài sản trên đất do cụ Hà Văn N và cụ Vũ Thị Ng để lại cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật.

Với nội dung trên tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, đã xét xử:

Căn cứ Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Luật phí, lệ phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H về việc "Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật".

Tuyên xử:

Ông Hà Văn D được quyền sử dụng diện tích đất là 212,7m^2 giới hạn bởi các điểm S (A,1,2, F,8,9,G,10,11,12,13,A) trong đó phần diện tích trong GCNQSDĐ được giới hạn bởi các điểm S (A,1,2,F,9,G,H,13,A) = 196,5m^2; phần diện tích ngoài GCNQSDĐ được giới hạn bởi S(A,1,13,A) +S (8,9,F,8) + S (10,11,12,13,H,G,10) = 16,2m^2 và được sở hữu tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp bốn ba gian hai trái, diện tích xây dựng 49,98 m^2 và toàn bộ tài sản trên đất (Có sơ đồ kèm theo).

Bà Hà Thị H, Hà Thị Ph, Hà Thị Ng, Hà Thị H1 được quyền sử dụng diện tích đất là 94,75m^2 giới hạn bởi các điểm S(2,3,C,D,4,5,6,7,8,F,2) trong đó phần diện tích trong GCNQSDĐ được giới hạn bởi S(2,B,C,D,Đ,E,F,2)= 84,5m^2; phần diện tích ngoài GCNQSDĐ được giới hạn bởi S(2,3,C,D,2) + S(D,4,5,6,7,8,F,E,Đ,D) = 10,2m^2 và đồng sở hữu ngôi nhà cấp 4 diện tích 31,39 m ^{2} và toàn bộ tài sản trên đất (Có sơ đồ kèm theo).

Ông Hà Văn D phải thanh toán cho ông Hà Văn S số tiền 70.533.800 đ (Bẩy mươi triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, tám trăm đồng)

Ông Hà Văn D phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho các bà Hà Thị H, Hà Thị Ph, Hà Thị Ng, Hà Thị H1 mỗi người số tiền là 20.391.359 đ (Hai mươi triệu, ba trăm chín mươi mốt nghìn, ba trăm lăm mươi chín đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, bị đơn ông Hà Văn D và ông Hà Văn S kháng cáo nội dung: Không đồng ý chia thừa kế, vì di sản là để làm nơi thờ cúng.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh kháng nghị những nội dung sau:

1). Về thu thập chứng cứ:

Quá trình định giá tài sản thừa kế, Bản án sơ thẩm đã xác định giá trị quyền sử dụng 307,4m2 đất theo biên bản định giá ngày 06/11/2018 với đơn giá thị trường 1.500.000đ/m^{2,} có giá trị là 423.202.800đồng. Trong khi phương pháp định giá đất của Hội đồng định giá không thực hiện theo quy định của pháp luật, việc thu thập xác định giá đất theo giá thị trường chỉ căn cứ vào phiếu khảo sát giá thị trường do UBND xã C cung cấp gồm: 03 phiếu thu thập thông tin về thửa đất, khảo sát đối với 03 người được

điều tra thu thập là trái với quy định tại Điều 112 Luật đất đai và khoản 1 Điều 4 Nghị định 44, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

Hơn nữa, đối với ngôi nhà cấp 4 ba gian hai trái diện tích 49,98m^2 xây năm 1970 là di sản của cụ Ng và cụ N để lại, được ông D sửa chữa năm 2017. Hội đồng định giá xác định đã hết khấu hao nên không tiến hành định giá, trong khi căn nhà này vẫn còn giá trị sử dụng là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

2). Về nội dung

Biên bản định giá tài sản ngày 06/11/2018 xác định giá trị thực tế còn lại của ngôi nhà cấp 4 diện tích 31,39m^2 do ông D sửa chữa năm 2017 (hiện anh Nh đang thuê), trị giá 69.922.139 đồng. Nhưng Bản án sơ thẩm lại nhận định ngôi nhà nêu trên trị giá 73.161.864 đồng là không đúng với kết quả định giá, từ đó tuyên buộc các bà H, H1, Ng, Ph phải thanh toán cho ông D số tiền này là ảnh hưởng đến quyền lợi của họ.

Tại sơ đồ kèm theo bản án thể hiện giữa đường ranh giới đất chia cho ông D và bà H cùng người liên quan, có ký hiệu P được giới hạn bởi các điểm (p,h, g, f) nhưng sơ đồ cũng như biên bản thẩm định không mô tả cũng như giải thích rõ ký hiệu trên (là công trình hay tài sản gì trên đất, giá trị sử dụng ra sao, thuộc quyền sở hữu của ai) gây khó khăn khi bản án có hiệu lực thi hành.

Bản án sơ thẩm cũng như sơ đồ kèm theo không thể hiện tài sản do ông Dtạo dựng, gồm: 3 cây cau, 01 cây na, 01 cây bòng, 01 cây xoài, 01 cây đu đủ nằm vị trí nào trên thửa đất, để xác định nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên cho ông D(nếu có).

3). Về hình thức bản án:

Trong vụ án này, Tòa án đã thực hiện việc xem xét thẩm định, định giá tài sản tranh chấp. Tuy nhiên, Bản án không đề cập đến chi phí tố tụng là vi phạm khoản 2 Điều 266 BLTTDS.

Ngoài ra, Bản án không ghi trích yếu quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết là không đúng theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, ban hành một số biểu mẫu trong TTDS (mẫu số 52).

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng qui định của pháp luật.

- Về nội dung:

+ Về nội dung kháng cáo: Bản di chúc chung lập ngày 13/10/2007 được hai cụ trực tiếp viết tay, ký vào di chúc, nội dung di chúc định đoạt toàn bộ di sản để làm nơi thờ cúng không được bán là đúng với nguyện vọng của hai cụ, phù hợp với quy định tại Điều 649, 650, 652, 653,655 663 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên năm

2013 cụ N đã thay đổi nội dung di chúc lập ngày 13/10/2007, lập di chúc riêng có nội dung giao cho ông D được quyền sử dụng 161m2 đất phía bên trong, ông S được sử dụng diện tích 120m2 đất bên ngoài của diện tích 281m2. Do di chúc ngày 27/11/2013 của cụ N định đoạt toàn bộ di sản trong đó có phần tài sản của cụ Ng nên di chúc này có hiệu lực một phần đối với phần di sản của cụ N. Di chúc ngày 13/10/2007 có hiệu lực một phần đối với phần di sản của cụ Ng. ông D và ông S tự nguyện hiến quyền sử dụng đất được hưởng từ di chúc của cụ N làm nơi thờ cúng. Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đối với toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất 281m^2 và toàn bộ tài sản trên đất là trái với quy định tại Điều 670, 675 Bộ luật Dân sự năm 2005. Vì vậy, kháng cáo của ông D và ông S có căn cứ chấp nhận.

+ Về nội dung kháng nghị: Về thu thập chứng cứ và nội dung bản án. Quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án tỉnh Quảng Ninh đã khắc phục vi phạm về việc thu thập chứng cứ, tiến hành thẩm định, định giá xác định giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất theo quy định. Xác định giữa đường ranh giới đất chia cho các đương sự là bếp và công trình phụ đang sử dụng. Như vậy, nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát là căn cứ. Tuy nhiên, do chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật nên Viện kiểm sát rút kháng nghị về nội dung này. Giữ nguyên nội dung còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về tố tụng: Kháng cáo, kháng nghị làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]- Nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn về việc không đồng ý chia thừa kế vì di sản để làm nơi thờ cúng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Ngày 13/10/2007, cụ Hà Văn N và cụ Vũ Thị Ng lập di chúc định đoạt di sản là ... "một ngôi nhà gỗ cổ nằm trên diện tích đất 281m^2 giao lại cho 07 người con trông nom làm nơi thờ cúng mãi mãi sau này, không được bán. Nếu tài sản của bố mẹ để lại có vấn đề gì thì phải được sự thỏa thuận của 7 anh chị em, trường hợp nếu có người không có chỗ ở thì được quyền về ở trên đất của bố mẹ... " . Di chúc này có chữ ký của 05 người con gái, còn ông D và ông S không ký. Các con của cụ N, cụ Ng đều xác định thời điểm lập di chúc, hai cụ hoàn toàn minh mẫn, tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa, ép buộc. Những người con đã ký vào bản di chúc đều tự nguyện, đồng ý với nội dung di chúc. Căn cứ Điều 652, 663 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định di chúc chung của vợ chồng hai cụ N- Ng là hợp pháp.

Ngày 23/11/2007, cụ Ng chết. Ngày 27/11/2013, cụ Hà Văn N lập di chúc định

đoạt toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là để lại cho ông Hà Văn D 161m^2 phía trong và 120 m^2 đất phía ngoài cho ông Hà Văn S.

Điều 664 Bộ luật Dân sự năm 2005. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc của vợ chồng, quy định :

.....

2. Khi vợ hoặc chồng muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc chung thì phải được sự đồng ý của người kia; nếu một người đã chết thì người kia chỉ được sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của mình.

Xét bản di chúc này, thấy:

Thứ nhất, việc cụ N lập lại di chúc mới, thay đổi và định đoạt lại toàn bộ tài sản của cả hai vợ chồng cụ là vượt quá quyền của mình, vi phạm khoản 2 Điều 664 Bộ luật Dân sự năm 2005, bởi phần di sản của cụ Ng đã được định đoạt tại bản di chúc ngày 13/10/2007, cụ N chỉ có thể sửa đổi, bổ sung phần di chúc liên quan đến tài sản của mình.

Thứ hai, đối với phần di sản của cụ N: Do cụ N đã lập lại di chúc mới, định đoạt lại phần di sản của mình, nên phần di sản của cụ N tại bản di chúc ngày 13/10/2007 được thay thế. Tuy Bản di chúc của cụ N không được công chứng, chứng thực, nhưng tại phiên tòa các đương sự đều xác định bản di chúc năm 2013 của cụ N chỉ có bản photo có trong hồ sơ vụ án, còn bản chính không biết ai giữ và các đương sự xác nhận di chúc do cụ N viết và nội dung là ý chí của cụ khi còn sống, Do đó, bản di chúc này có hiệu lực một phần đối với phần tài sản của cụ N. Tại phiên tòa, ông D và ông S có nguyện vọng sử dụng toàn bộ di sản vào việc thờ cúng, các ông cũng không nhận phần được chia để sử dụng riêng, phù hợp với nội dung bản di chúc chung của cụ N – Ng năm 2007. Bản thân ông D đã đầu tư xây dựng một gian nhà nay đang cho thuê, tôn tạo sân nhà, xây tường bao, làm cổng và trồng các cây như Cau, Na.. ông có quan điểm để lại làm nơi thờ cúng. Vì vậy, toàn bộ di sản của hai cụ được xác định để làm nơi thờ cúng (theo di chúc của cụ Ng và nguyện vọng của ông D và ông S). Theo quy định tại Điều 670 và Điều 675 Bộ luật Dân sự 2005 không có căn cứ chia phần di sản này theo pháp luật.

Cấp sơ thẩm xác định hai bản di chúc vô hiệu, chia thừa kế theo pháp luật và chia thừa kế bằng hiện vật cho sáu người trong hàng thừa kế (bà H2 từ chối nhận di sản) là không đúng pháp luật, giả sử có căn cứ chia thừa kế theo pháp luật thì việc chia tách đất theo sơ đồ của cấp sơ thẩm không đủ điều kiện tách thửa theo theo quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định 1768/2014/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Điều 143. Đất ở tại nông thôn của Luật Đất đai năm 2013, quy định:

2. Căn cứ quỹ đất của địa phương và quy hoạch phát triển nông thôn đã được cơ quan có thẩm quyền phê đuyệt, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao

cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở tại nông thôn; diện tích tối thiểu được tách đất đối với đất ở phù hợp điều kiện tập quan địa Ph.

Điều 5 Quyết định số 1768/2014/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, quy định:

1 Diện tích tối thiểu được tách thửa. Diện tích các thửa đất sau khi tách thửa không nhỏ hơn 45 m^2, chiều rộng (chiều bám đường) và chiều sâu không nhỏ hơn 4,5m (không kể diện tích lối đi...),

2.Không được tách thửa trong các trường hợp sau:

a. Các thửa đất sau khi tách thửa không đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều này

...

c. Thửa đất sau khi tách ra không có đường đi vào thửa đất.

Do đó, kháng cáo của bị đơn ông D, ông S là có căn cứ chấp nhận: Di sản của hai cụ N- Ng gồm ngôi nhà gỗ ba gian, một gian nhà do ông D xây dựng và công trình phụ nằm trên diện tích đất 307 m^2 là nơi thờ cúng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của bà Hà Thị H; sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên.

[2.2] Thứ hai, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh:

- Đối với kháng nghị về thu thập chứng cứ: Quá trình thụ lý giải quyết, cấp phúc thẩm đã khắc phục vi phạm về việc thu thập chứng cứ, tiến hành thẩm định, định giá xác định giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất theo quy định. Xác định giữa đường ranh giới đất chia cho các đương sự là công trình phụ hiện đang sử dụng và nội dung bản án: Viện kiểm sát đã rút tại phiên tòa nên căn cứ khoản 3 Điều 284 và điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị này.

- Đối với kháng nghị về việc Bản án không đề cập chi phí tố tụng. Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc xem xét thẩm định, định giá tài sản tranh chấp, nhưng tại phần Quyết định của Bản án không đề cập đến chi phí tố tụng là vi phạm khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

- Đối với kháng nghị về hình thức của Bản án, thấy: Bản án không ghi trích yếu quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết là không đúng theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, ban hành một số biểu mẫu trong TTDS (mẫu số 52). Do đó, cần sửa hình thức của Bản án theo kháng nghị của Viện kiểm sát.

[3] Về án phí phúc thẩm, sơ thẩm: Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại bị đơn toàn bộ dự phí kháng cáo đã nộp.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp

nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng nguyên đơn là người cao tuổi theo Điều 2 Luật Người cao tuổi, là đối thượng được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

[4] Về chi phí thẩm định, định giá: Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị đơn phải chịu nghĩa vụ, tại cấp phúc thẩm bị đơn nộp chi phí thẩm định, định giá 10.000.000đ (mười triệu đồng) đã chi và thanh toán xong với các bị đơn, nhưng các bị đơn không yêu cầu nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu, nên cấp phúc thẩm không giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 284 và điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về thu thập chứng cứ và nội dung vụ án.

2- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hà Văn D và ông Hà Văn S; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về hình thức của bản án. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên.

Căn cứ khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 663, khoản 2 Điều 664, Điều 670 và Điều 675 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000; Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2.1. Bác đơn khởi kiện về việc chia thừa kế theo pháp luật của bà Hà Thị H.

Di sản của hai cụ Hà Văn N- Vũ Thị Ng gồm ngôi nhà gỗ ba gian + một trái, công trình phụ và một gian quán diện tích 30,76 m^2 nằm trên diện tích đất 281m^2 (GCNQSDĐ số AC 811675 do UBND huyện Yên Hưng cấp ngày 21/11/2005) diện tích hiện trạng 307 m^2 tại địa chỉ: xóm C, xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, là nơi thờ cúng thuộc quyền sử dụng và sở hữu của các đồng thừa kế. Có tứ cận: phía Tây giáp nhà ông Vũ Văn B, phía Bắc giáp nhà ông Nguyễn Văn H3, phía Đông giáp đường Ng, phía N giáp ngõ xóm. (có sơ đồ kèm theo).

2.2. Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hà Thị H. Trả lại bà Hà Thị H 8.500.000đ

(tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm đã nộp, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, biên lai số 0003099 ngày 04/10/2018.

Ông Hà Văn D và ông Hà Văn S không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông Hà Văn D và ông Hà Văn S mỗi người 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, biên lai số 0003421 và 0003420 ngày 01/7/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thị xã Quảng Yên;
- VKSND thị xã Quảng Yên;
- Chi cục THADS thị xã Quảng Yên;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Thắng